

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2017/HSST

Ngày 02/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trịnh Khắc Long;

2/ Bà Đinh Thị Vân;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Minh Quang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2017/TLST – HS ngày 18/5/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST – HS ngày 18/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 02 năm 1991 tại tỉnh Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện tại: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Th, sinh sống tại thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn anh em; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: Không; Tiền án: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2016 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

+/ Anh Đinh Văn Đ; Sinh năm 1991; Trú tại: Tổ D, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

+/Anh Bùi Văn Tr; Sinh năm 1990; Trú tại: Tổ D, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

-Những người làm chứng:

+/Anh Lê Hồng D; Sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

+/Chị Đinh Thị Diệu H; Sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ D, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.

+/Ông Nguyễn Văn H; Sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

+/Bà Vũ Thị Th; Sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 13/6/2016 Nguyễn Văn V điều khiển xe mô tô đi từ xã T, huyện Đ về nhà, đến đoạn đường Hai Bà Trưng giao nhau với đường Trần Hưng Đạo thuộc tổ D, thị trấn P, huyện N thì thấy ba cô gái đang ngồi chơi trước quán cháo lòng 99. V hỏi các cô gái “*Có biết nhà Dương Thị Thu H ở đâu không?*” Các cô gái vừa chỉ vừa cười như thể V đang chọc ghẹo họ. Đúng lúc này Bùi Văn Tr và Đinh Văn Đ cùng trú tại Tổ D, thị trấn P điều khiển xe mô tô đi chơi về ngang qua thấy V đang nói chuyện cười đùa với mấy cô gái là em họ của mình nên Đ và Tr dừng xe lại, Tr hỏi V “*Con mẹ mày, mày ở đâu đến đây, sao đến đây tán tỉnh em gái của tao?*” V trả lời “*em ở trong 73H, gần nhà anh L sửa xe máy*”. Nghe vậy Tr nói “*may mà biết thằng L không tao đánh mày rồi*”. Sau đó Tr quay sang nói chuyện với mấy cô gái, còn V nổ máy xe mô tô chạy về hướng xã Đ, khi chạy được khoảng 100m thì Tr và Đ nhìn thấy V lạng lách, đánh võng Tr liền nói với Đ “*đuổi theo*”. Đ điều khiển xe mô tô chở Tr đuổi theo V, khoảng cách giữa hai xe lúc này khoảng từ 50m – 70m. V điều khiển xe phát hiện thấy Tr và Đ đuổi theo mình nên tăng tốc, vẫn thấy Tr và Đ bám theo. Khi đi qua cầu C9 lên đến giữa dốc Đoàn thuộc thôn H, xã Đ thì V nghĩ lên dốc sẽ bị Tr và Đ đuổi kịp nên chủ động dừng xe mở cốp xe để lấy 01 con dao bấm dài khoảng 12,5cm, lưỡi dao dài 9,8cm, mũi nhọn sắc bén ra nếu Tr và Đ đánh thì sẽ đâm lại họ để lần sau họ không dám đánh V nữa. Lúc này con dao nằm ở ngăn nhỏ bên trong cốp xe, khi V vừa dừng mở cốp xe ra thì Đ và Tr cũng đuổi kịp đến nơi, dừng xe đứng cách xe của V

khoảng 2m-3m. Thấy V mở cốp xe thì Tr liền hỏi “*mày mở cốp xe làm gì đấy?*” và Đ tiến đến giơ tay tát vào mặt V, ngay lập tức V dùng tay trái thò vào cốp xe lấy dao đâm về phía Đ, Đ dùng tay chân đâm đá V thì bị V đâm trúng cổ chân trái 01 nhát và đâm trúng đùi trái 01 nhát. Lúc này Đ thấy đau và phát hiện mình bị đâm ở đùi, do vết thương chảy nhiều máu Đ ngất xỉu té xuống lề đường, mặt cạ xuống mặt đường. Thấy Đ bị đánh Tr cũng lao tới dùng tay phải giật mũ bảo hiểm trên đầu V và dùng mũ bảo hiểm đánh V nhưng không trúng, dùng chân tay đâm, đá V; Còn V khi bị Tr giật mũ nên cúi đầu xuống dùng tay trái cầm dao đâm nhiều nhát vào phần bụng và hông của Tr. Tr thấy đau ở bụng, biết mình bị đâm Tr cúi xuống ôm bụng bỏ chạy, V đuổi theo và dùng tay trái cầm dao đâm phía sau lưng Tr 02 nhát. Sau đó Tr hô to “*B ơi tao bị đâm rồi*” và tiếp tục chạy về phía cầu C9 rồi dừng lại đợi Đ. V đuổi Tr khoảng 10m – 12m đâm 02 nhát vào lưng xong thì không đuổi nữa và lên xe đi về nhà. Lúc này Đ cũng vừa tỉnh và lấy xe mô tô chở Tr đến Bệnh viện, đi giữa đường Tr bị thương quá nặng nên đã bị ngã xe, Đ gọi người nhà đến chở cả Tr và Đ đến Bệnh viện đa khoa khu vực N cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định tỷ lệ thương tích số 87/TgT-TTPY ngày 19/7/2016 kết luận Bùi Văn Tr bị thủng đại tràng ngang đã xử lý không làm hậu môn nhân tạo 41%; Hai sẹo vùng lưng + sẹo hông trái + sẹo mào chậu trái + sẹo bụng, số lượng nhiều, kích thước lớn, nhỏ và vừa là 13%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 49%.

Và bản kết luận giám định tỷ lệ thương tích số 86/TgT-TTPY ngày 19/7/2016 kết luận Đinh Văn Đ bị sẹo vùng mặt không ảnh hưởng thẩm mỹ + sẹo đùi trái + sẹo cổ chân trái kích thước lớn và vừa 09%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 09%.

-Bị cáo Nguyễn Văn V thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có nhờ gia đình bồi thường tiền viện phí, thuốc men cho những người bị hại. Tại Tòa bị cáo chấp nhận yêu cầu của anh Tr và anh Đ về toàn bộ trách nhiệm bồi thường dân sự.

- Những người bị hại là anh Bùi Văn Tr và anh Đinh Văn Đ có ý kiến tại phiên tòa: Toàn bộ diễn biến sự việc được miêu tả theo cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng sự thật. Qua quá trình xét xử tại phiên tòa những người bị hại thấy mình cũng có lỗi nên thay đổi yêu cầu bồi thường dân sự như sau: Anh Tr xác nhận đã nhận tiền bồi thường của bị cáo là 7.900.000đ (*Bảy triệu chín trăm ngàn đồng*); Anh Đ xác nhận đã nhận tiền bồi thường của bị cáo là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*),

đây là số tiền viện phí, thuốc men. Nay anh Tr thay đổi, rút yêu cầu bồi thường đối với số tiền tiếp theo từ 18.365.000đ (*Mười tám triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) xuống còn 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*); Anh Đ thay đổi, rút yêu cầu bồi thường đối với số tiền tiếp theo từ 12.900.000đ (*Mười hai triệu chín trăm ngàn đồng*) xuống còn 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*); Bao gồm tiền tổn thất tinh thần và thu nhập thực tế bị mất của bản thân và người chăm sóc trong thời gian điều trị thương tích. Đồng thời anh Tr và anh Đ cũng ấn định việc trả lãi trong trường hợp bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì phải chịu 10%/năm tương ứng số tiền và thời gian chậm thực hiện.

- Những người làm chứng là ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị Th xác nhận bị cáo có nhờ ông bà là cha mẹ thay mặt bị cáo đã bồi thường cho anh Bùi Văn Tr 7.900.000đ (*Bảy triệu chín trăm ngàn đồng*), anh Đinh Văn Đ 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Đây là số tiền riêng của bị cáo có được từ việc thu nhập trồng cà phê.

-Tại bản cáo trạng số 15/CT - VKS, ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố: Nguyễn Văn V về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại các điểm a, c khoản 1 khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xin rút phần truy tố bị cáo “*phạm tội đối với nhiều người*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 theo hướng có lợi cho bị cáo, theo Nghị quyết số 41 của Quốc Hội; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn V từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận bồi thường về dân sự giữa bị cáo đối với những người bị hại; Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy đối với con dao bị cáo đã dùng phạm tội.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, xin lỗi những người bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi bị cáo đoán biết được việc đuổi theo sau xe của Tr và Đ nên V đã dừng xe để chuẩn bị hung khí có gì thì sẵn sàng đánh trả. Thực tế sau khi bị Đ dùng tay tát vào mặt thì V đã dùng dao bấm của mình đâm trúng vào người Đ ở các vị trí: mặt trước cổ chân trái, đùi trái; Gây thiệt hại cho Đ 09%. Tiếp sau đó thấy Tr xông vào đánh mình V cũng dùng con dao này đâm trúng vào người Tr ở các vị trí: vùng lưng trái và phải, bên hông trái, chậu trái, vùng bụng rốn và làm thủng đại tràng ngang; Gây thiệt hại sức khỏe cho Tr 49%. Trong quá trình các bên đánh nhau thì Tr và Đ dùng tay, chân đánh vào người bị cáo, có dùng mũ bảo hiểm nhưng không đánh trúng người bị cáo, không gây ra thương tích gì cho bị cáo. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định lúc đầu những người bị hại đã có lỗi đánh bị cáo trước, liền sau đó bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là dao gây ra thương tích cho Tr và Đ là gây thương tích cho nhiều người, tỷ lệ thương tật gây ra cho Tr 49% nằm ở mức có tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%. Với sự chuẩn bị dao cho việc đánh trả, theo ý thức chủ quan của bị cáo được làm rõ tại phiên tòa nếu bị cáo bị Tr và Đ đánh thì bị cáo sẽ đánh cho biết để lần sau không dám đánh bị cáo nữa và xét đến mức độ thực hiện hành vi, tấn công của bị cáo đối với những người bị hại không thể xem xét hành vi của V là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Điều 106 của Bộ luật hình sự; Hành vi của V thuộc vào lỗi cố ý gây thương tích cho anh Tr và anh Đ là đã xâm phạm vào quyền bảo vệ sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ rất nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo các điểm a, c khoản 1 khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, có mức khung hình phạt tù từ 05 năm đến 15 năm là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo so với điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì phạm vào điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng điều khoản có lợi xét xử đối với bị cáo theo điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Chấp nhận đại diện Viện kiểm sát rút một phần truy tố bị cáo “Phạm tội đối với nhiều người” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 vì so với điều khoản tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì V gây ra thương tích cho anh Đ dưới mức 31% (Đ bị thương tích 9%) nên không đủ điều kiện để kết tội bị cáo trong trường hợp “*Phạm tội đối với nhiều người*”.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử bị cáo luôn “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; Sau khi hậu quả xảy ra bị cáo đã nhờ cha mẹ dùng số tiền của bị cáo có được để bồi thường phần nào cho những người bị hại thể hiện “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”; Ngoài ra việc bị cáo phạm tội có phần lỗi của những người bị hại gây ra. Cần cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét thấy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Vì vậy cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để chuyển xuống áp dụng khung hình phạt liền kề cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà ăn năn, sửa chữa, cải tạo cho tốt. Qua xem xét mức độ phạm tội của bị cáo và hậu quả gây ra cho những người bị hại cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo.

-Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao làm bằng kim loại, loại dao bấm, cán dao dài 12,5cm, lưỡi dao dài 9,8cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 2,5cm, mũi dao nhọn, sắc, lưỡi dao sắc bén, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/5/2017 giữa cơ quan Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum, vì đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng phạm tội và không có giá trị sử dụng.

-Về trách nhiệm dân sự: Ngoài số tiền viện phí, thuốc men bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại. Tại phiên tòa giữa bị cáo với những người bị hại đã thống nhất được việc bồi thường tiếp theo về tiền tổn thất tinh thần, tiền thu nhập thực tế bị mất và không còn tranh chấp nữa. Thấy thỏa thuận giữa bị cáo với những người bị hại không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với những người bị hại về trách nhiệm dân sự.

-Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 khoản 3 Điều 104, các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Nguyễn Văn V 40 (bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (22-12-2016).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao làm bằng kim loại, loại dao bấm, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 -5 -2017 giữa cơ quan Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo với những người bị hại: Ngoài số tiền đã bồi thường cho những người bị hại, bị cáo phải bồi thường tiếp theo cho anh Bùi Văn Tr 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*); Bồi thường tiếp theo cho anh Đinh Văn Đ 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*); Nếu bị cáo chậm bồi thường tiền cho những người bị hại thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện.

-Về án phí: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000đ (*Một triệu một trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

-Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 231 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02-8-2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Những người bị hại;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo

